

Thứ năm, ngày 13 tháng 5 năm 2021

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/5/2021		•	
Tuần 10/5-14/5/2021		•	
Tháng 5/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường điều chỉnh trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư suy yếu khi chỉ có 3/19 nhóm ngành tăng điểm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản tăng nhẹ cho thấy áp lực chốt lãi ngắn hạn trong thị trường. VN-Index có thể tiếp tục tích lũy trong vùng 1250 -1280 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều giảm. Giá trị giao giảm.

Phân tích kỹ thuật: ANV_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-7.10** điểm, đóng cửa **1261.99**. HNX-Index **+4.70** điểm, đóng cửa **287.03**.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+1.49)**; **NVL (+1.38)**; **VPB (+0.72)**; **EIB (+0.54)**; **SAB (+0.43)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.97)**; **TCB(-1.17)**; **HPG(-1.06)**; **VNM(-0.72)**; **VHM (-0.62)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,290 tỷ đồng**, **+4.8%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 21,627 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 11.50 điểm. Thị trường có **163** mã tăng, 43 mã tham chiếu và **254** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1154.10 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **CTG (-397.57 tỷ)**, **HPG (-230.33 tỷ)** và **NVL (-129.61 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-7.17 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1261.99**
Giá trị: 20290.02 tỷ **-7.1 (-0.56%)**
Khối ngoại (ròng): -1154.1 tỷ

HNX-INDEX **287.03**
Giá trị: 2591.27 tỷ **4.7 (1.66%)**
Khối ngoại (ròng): -7.17 tỷ

UPCOM-INDEX **81.17**
Giá trị: 798.04 tỷ **-0.3 (-0.37%)**
Khối ngoại (ròng): -6.67 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	64.6	-2.27%
Giá vàng	1,815	-0.05%
Tỷ giá USD/VND	23,051	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,969	-0.29%
Tỷ giá JPY/VND	21,033	0.07%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	4.32%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HCM	32.8	CTG	-397.6
VNM	25.8	HPG	-230.3
VHM	15.0	NVL	-129.6
VPB	12.2	VJC	-75.2
VCS	8.3	MBB	-60.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 13/5

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	65.61	-0.71%	1.40%	8.90%	96.26%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	68.86	-0.66%	1.10%	8.80%	70.61%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	214.03	-0.96%	1.30%	8.10%	99.71%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1820.11	0.24%	0.30%	4.30%	5.09%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.13	0.40%	-0.70%	7.00%	56.94%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1625.75	-1.02%	3.60%	17.40%	93.77%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	726.00	-0.51%	-3.60%	14.60%	38.62%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.07	0.95%	-0.40%	-4.50%	18.96%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	233.42	1.15%	-1.20%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.84	-1.44%	1.80%	16.10%	61.89%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	146.50	-2.40%	-2.20%	12.70%	28.28%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10445.50	-0.14%	5.00%	17.00%	99.95%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	936.29	-0.79%	7.80%	20.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	1020.28	-0.27%	11.80%	24.30%			
Nhôm	USD/ton	2480.50	-1.61%	1.50%	9.60%	67.60%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	200.76	-1.43%	12.60%	33.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	103.90	2.87%	12.10%	22.10%	66.91%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 77 US cent tương đương 1.1% lên 69.32 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 80 US cent tương đương 1.2% lên 66.08 USD/thùng.
- Xuất khẩu dầu thô của Mỹ trong tuần trước giảm xuống 1.8 triệu thùng/ngày (bpd) – mức thấp nhất kể từ tháng 10/2018, trong khi tồn trữ dầu thô giảm 0.4 triệu thùng. Tổng sản phẩm dầu được cung cấp trong tuần trước giảm 2.2 triệu bpd xuống 17.5 triệu bpd. Đây là mức giảm hàng tuần mạnh nhất kể từ tháng 1/2021
- Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết, nhu cầu dầu đã vượt xa nguồn cung và sự thiếu hụt dự kiến sẽ gia tăng ngay cả khi Iran tăng cường xuất khẩu

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.8% xuống 1,822.91 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York giảm 0.7% xuống 1,822.8 USD/ounce.
- Giá tiêu dùng của Mỹ trong tháng 4/2021 tăng mạnh đã thúc đẩy đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng, làm giảm nhu cầu mua vàng thời.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 2.9% lên 1,338 CNY/tấn. Thép thanh kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 2.2% lên 6,171 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 3.5% lên 6,683 CNY (1,037.12 USD)/tấn.
- Khu vực phía nam Trung Quốc bước vào mùa mưa có thể khiến nhu cầu nguyên vật liệu xây dựng suy giảm. Trong khi đó, công ty sản xuất thép tấm ô tô hàng đầu Trung Quốc - Baoshan Iron & Steel – cho biết, nhu cầu ô tô trong quý 2/2021 bị ảnh hưởng bởi tình trạng thiếu hụt chip, trong khi quý 3/2021 thường là mùa thấp điểm.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Osaka tăng 0.5 JPY tương đương 0.3% lên 253 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 0.3% lên 14,290 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE giảm 3.6 US cent tương đương 2.4% xuống 1.465 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn London giảm 18 USD tương đương 1.2% xuống 1,514 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE giảm 0.26 US cent tương đương 1.4% xuống 17.84 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn London giảm 0.5% xuống 478.1 USD/tấn.
- Rabobank dự kiến giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 và tháng 10/2021 sẽ dao động ở mức 15.5-18.5 US cent/lb, do giá ethanol tại Brazil tăng đã thúc đẩy các nhà máy chuyển hướng sản xuất ethanol từ mía nhiều hơn đường. Sản lượng đường Brazil tính đến tháng 4/2021 giảm 25% so với cùng kỳ năm ngoái xuống 1.51 triệu tấn. Nhập khẩu đường của Trung Quốc năm 2020/21 (tính đến cuối tháng 9/2021) đạt 4.5 triệu tấn so với 3.76 triệu tấn cùng kỳ năm ngoái.

	13/5	% 13/5	12/5	% 12/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1261.99	-0.56%	1269.09	1.04%	0.91%	2.19%
S&P 500			4063.04	-2.14%	-2.51%	-1.57%
HĐTL S&P500	4035.75	-0.57%	4058.70	-2.11%	-3.78%	-2.35%
Shang- hai	3429.54	-0.96%	3462.75	0.61%	-0.34%	-1.52%
Euro Stoxx	3862.27	-2.16%	3947.43	0.03%	-3.43%	-2.64%

Phân tích kỹ thuật

ANV_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: ANV đang ở trong trạng thái đi ngang tích lũy tại khu vực 20-24 trong hơn 2 tháng nay. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu tiềm năng sẽ thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của ANV nằm tại khu vực xung quanh 22.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 28.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 21.8 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

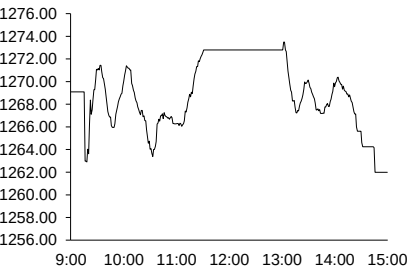
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	0.51%
Ngân hàng	0.50%
Dịch vụ tài chính	0.07%
Truyền thông	-0.20%
Xây dựng và Vật liệu	-0.21%
Bán lẻ	-0.40%
Thực phẩm và đồ uống	-0.59%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.71%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.78%
Ô tô và phụ tùng	-0.81%
Bất động sản	-0.89%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.91%
Bảo hiểm	-1.15%
Y tế	-1.15%
Công nghệ Thông tin	-1.46%
Hóa chất	-1.48%
Tài nguyên Cơ bản	-1.50%
Du lịch và Giải trí	-1.67%
Viễn thông	-9.67%

Hình 1

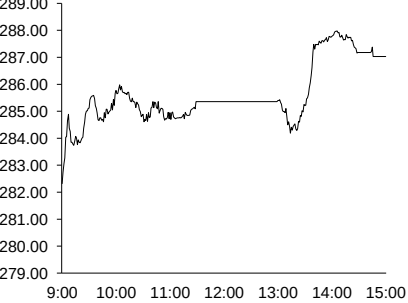
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

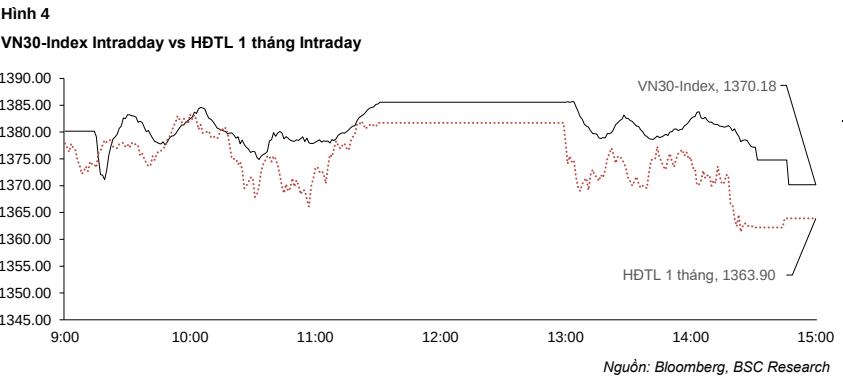
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	35.05	1	0.72%	Có thể tiếp tục mua
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	27	2	5.06%	Có thể tiếp tục mua
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	35.05	3	5.57%	Có thể tiếp tục mua
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	31.5	6	8.25%	Có thể tiếp tục mua
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	32.95	7	4.27%	Có thể tiếp tục mua
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	30.3	8	4.30%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	32.1	9	0.31%	Có thể tiếp tục mua
4/29/2021	NLG	36.3	41.5	34	38.5	14	6.06%	Có thể tiếp tục mua
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	36.5	15	2.82%	Có thể tiếp tục mua
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	84	34	2.31%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	12.85	80	-9.51%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	TP	20	15.94%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	TP	21	11.72%
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	TP	25	20.32%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	TP	24	10.32%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	SL	9	-4.90%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	1	3.97%	-9.51%	2.74%	16
Cổ phiếu đã chốt	138	82	13.34%	-8.06%	5.36%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1363.90	-1.32%	-6.28	-9.5%	273,637	5/20/2021	7
VN30F2106	1360.00	-1.31%	-10.18	-7.7%	956	6/17/2021	35
VN30F2109	1352.00	-0.62%	-18.18	-34.2%	52	9/16/2021	126
VN30F2112	1350.00	-1.38%	-20.18	-81.2%	49	12/16/2021	217

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm −9.99 điểm, xuống 1370.18 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, HPG, VIC, VNM, FPT tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1375-1385 điểm, trước khi giảm mạnh cuối phiên xuống quanh 1370 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch , VN30F2105 và VN30F2106 đang tăng, trong khi VN30F2109 và VN30F2112 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM2106	8/12/2021	91	10:1	601,900	30.31%	1,300	4,700	16.92%	81	58.15	131,668	118,668	97,000
CTCB2104	8/27/2021	106	2:1	433,000	35.59%	2,000	11,940	16.26%	2,575	4.64	49,800	45,800	48,000
CMSN2103	8/13/2021	92	6:1	337,400	38.50%	3,000	10,000	13.64%	2,993	3.34	106,000	88,000	103,000
CVPB2104	8/27/2021	106	3:1	330,400	37.42%	2,500	13,120	12.52%	5,706	2.30	56,500	49,000	65,100
CSTB2104	8/27/2021	106	1:1	333,600	42.54%	4,000	13,960	10.09%	4,559	3.06	26,900	22,900	26,300
CMBB2101	7/6/2021	54	2:1	527,100	33.20%	1,600	10,010	10.00%	3,586	2.79	29,200	26,000	32,950
CNVL2003	6/11/2021	29	10:1	1,118,200	29.69%	1,000	7,170	7.98%	7,026	1.02	73,979	63,979	134,000
CTCB2103	8/9/2021	88	2:1	291,300	35.59%	2,900	12,050	4.69%	6,504	1.85	41,300	35,500	48,000
CVPB2103	8/9/2021	88	2:1	659,100	37.42%	2,700	16,490	4.43%	14,509	1.14	41,900	36,500	65,100
CSTB2103	8/9/2021	88	2:1	421,800	42.54%	1,400	9,500	4.40%	4,279	2.22	20,800	18,000	26,300
CSTB2102	6/4/2021	22	1:1	285,300	42.54%	2,000	9,300	3.33%	8,352	1.11	20,000	18,000	26,300
CTCB2102	7/6/2021	54	2:1	339,900	35.59%	2,300	10,500	0.96%	6,142	1.71	57,200	48,000	48,000
CTCB2101	10/5/2021	145	1:1	125,000	35.59%	5,000	23,600	0.21%	7,609	3.10	36,000	31,000	48,000
CSTB2014	6/14/2021	32	1:1	380,600	42.54%	3,800	14,500	0.00%	14,350	1.01	15,800	12,000	26,300
CTCB2012	7/30/2021	78	1:1	166,000	35.59%	5,400	27,460	-0.51%	26,222	1.05	27,400	22,000	48,000
CMBB2010	6/14/2021	32	1:1	249,100	33.20%	4,600	17,220	-1.03%	17,016	1.01	20,600	16,000	32,950
CHPG2106	8/27/2021	106	2:1	357,800	33.28%	4,100	14,670	-2.20%	6,266	2.34	58,400	50,200	61,500
CHPG2105	8/9/2021	88	2:1	494,200	33.28%	3,000	15,800	-4.24%	10,000	1.58	48,000	42,000	61,500
CHPG2103	7/6/2021	54	2:1	334,900	33.28%	3,900	14,400	-6.49%	9,898	1.45	49,800	42,000	61,500
Tổng				7,786,600	36.19%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
			**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều giảm. Giá trị giao giảm.
- CHPG2108 và CHPG2107 tăng mạnh lần lượt là 26.38% và 17.37%. Giá trị giao dịch giảm -8.58%. CVPB2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.03% thị trường.
- CSTB2014, CMBB2010, CSTB2007, CNVL2003, và CVPB2102 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CVPB2015 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CHPG2020, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	65.10	1.72	2.15
NVL	134.00	3.08	1.84
CTG	46.50	3.33	1.37
MWG	140.00	0.36	0.19
PLX	54.00	1.31	0.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
TCB	48.0	-2.54	-3.49
HPG	61.5	-1.91	-2.68
VIC	126.5	-2.54	-2.48
VNM	90.5	-1.42	-1.67
FPT	84.0	-1.64	-1.08

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	140.0	0.4%	1.0	2,894	6.0	9,051	15.5	3.9	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	94.3	-1.6%	1.0	932	1.4	4,974	19.0	3.7	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	55.6	-2.1%	1.5	1,794	2.0	2,548	21.8	2.0	27.3%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	32.7	0.3%	0.5	318	0.0	3,809	8.6	1.0	54.3%	12.2%
VIC	Bất động sản	126.5	-2.5%	0.7	18,603	9.5	2,174	58.2	5.3	14.6%	9.0%
VRE	Bất động sản	30.9	-1.0%	1.1	3,053	6.5	1,175	26.3	2.3	29.9%	9.3%
VHM	Bất động sản	97.0	-0.7%	1.1	13,873	10.8	7,874	12.3	3.5	22.5%	33.6%
DXG	Bất động sản	24.8	0.6%	1.3	559	13.2	(61)		1.9	33.5%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	35.1	0.7%	1.4	984	32.4	2,776	12.6	2.0	46.0%	16.2%
VCI	Chứng khoán	69.4	-2.3%	1.0	500	6.5	5,703	12.2	2.3	22.0%	22.1%
HCM	Chứng khoán	35.1	3.7%	1.5	465	19.3	2,462	14.2	2.2	47.5%	16.4%
FPT	Công nghệ	84.0	-1.6%	0.9	2,882	9.4	4,718	17.8	4.0	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	76.6	-1.0%	0.4	911	0.0	5,165	14.8	4.4	#####	30.0%
GAS	Dầu khí	85.6	-0.9%	1.3	7,123	2.1	3,946	21.7	3.2	2.5%	14.9%
PLX	Dầu khí	54.0	1.3%	1.5	2,920	4.8	2,915	18.5	2.9	15.9%	16.8%
PVS	Dầu khí	21.7	-2.3%	1.6	451	7.5	1,375	15.8	0.8	8.7%	5.4%
BSR	Dầu khí	15.6	-1.9%	0.8	2,103	8.9	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	94.5	-2.7%	0.4	537	0.4	5,647	16.7	3.3	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	18.3	0.0%	0.7	311	0.5	1,928	9.5	0.9	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	16.7	0.0%	0.6	383	1.7	1,122	14.8	1.4	3.4%	9.4%
VCB	Ngân hàng	96.8	-0.5%	1.1	15,610	7.2	5,709	17.0	3.6	23.4%	22.8%
BID	Ngân hàng	42.6	-0.1%	1.3	7,449	6.5	2,048	20.8	2.2	16.8%	10.6%
CTG	Ngân hàng	46.5	3.3%	1.3	7,528	67.9	4,765	9.8	1.9	25.9%	20.9%
VPB	Ngân hàng	65.1	1.7%	1.2	6,948	72.2	4,626	14.1	2.9	22.1%	22.5%
MBB	Ngân hàng	33.0	-0.8%	1.2	4,010	38.8	3,612	9.1	1.8	23.0%	21.6%
ACB	Ngân hàng	36.2	0.1%	1.0	3,402	18.6	3,992	9.1	2.1	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	58.8	0.7%	0.7	209	0.1	6,160	9.5	2.0	81.8%	20.3%
NTP	Nhựa	36.0	-0.3%	0.5	184	0.2	3,988	9.0	1.6	19.3%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.5	-2.0%	0.7	932	0.3	39	500.0	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	61.5	-1.9%	1.1	8,859	66.7	5,476	11.2	3.1	29.8%	31.3%
HSG	Thép	37.4	-1.8%	1.3	723	22.2	5,262	7.1	2.1	8.6%	34.2%
VNM	Tiêu dùng	90.5	-1.4%	0.7	8,224	12.3	4,682	19.3	6.0	55.1%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	154.2	1.6%	0.8	4,299	2.6	7,561	20.4	5.0	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	103.0	-1.0%	1.0	5,261	10.9	1,281	80.4	7.5	32.9%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	20.8	-3.3%	1.2	557	3.1	1,131	18.4	1.6	8.4%	8.7%
ACV	Vận tải	70.6	-0.6%	0.8	6,682	0.5	577	122.4	4.1	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	117.0	-1.7%	1.1	2,755	2.5	2,256		4.2	19.0%	8.3%
HVN	Vận tải	27.3	-2.2%	1.7	1,683	0.7	(9,327)		26.9	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	36.4	-3.3%	1.0	477	5.2	1,246	29.2	1.8	39.5%	6.2%
PVT	Vận tải	16.7	-0.9%	1.3	235	2.2	2,281	7.3	1.1	12.6%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	91.4	1.2%	1.0	636	1.2	8,479	10.8	3.5	3.9%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.0	0.0%	0.4	643	0.2	1,604	20.6	2.2	6.4%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.2	-1.5%	0.9	269	0.9	1,566	10.3	1.1	3.0%	11.0%
CTD	Xây dựng	57.7	-3.4%	1.0	186	1.1	3,352	17.2	0.5	44.9%	3.0%
CII	Xây dựng	21.1	-0.5%	0.5	219	1.7	56	378.3	1.1	30.1%	0.2%
REE	Điện	55.0	-0.5%	-1.4	739	1.4	5,770	9.5	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	25.0	-1.6%	-0.4	208	0.7	2,371	10.5	1.2	11.4%	13.2%
POW	Điện	12.2	-2.0%	0.6	1,242	6.3	1,037	11.8	1.0	3.4%	8.6%
NT2	Điện	20.3	-0.5%	0.5	253	0.3	1,872	10.8	1.4	15.3%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	35.9	-1.4%	1.1	733	5.7	1,639	21.9	1.6	20.6%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	54.5	0%	0.9	2,453	0.3			3.5	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	46.50	3.33	1.49	34.02MLN
NVL	134.00	3.08	1.14	1.99MLN
VPB	65.10	1.72	0.72	25.72MLN
EIB	27.00	6.51	0.54	1.87MLN
SAB	154.20	1.65	0.43	394900

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.97	1.72MLN	1.11MLN
TCB	0.00	-1.17	18.05MLN	607060
HPG	0.00	-1.06	24.65MLN	373600
VNM	0.00	-0.72	3.12MLN	192700
VHM	0.00	-0.62	2.56MLN	611640

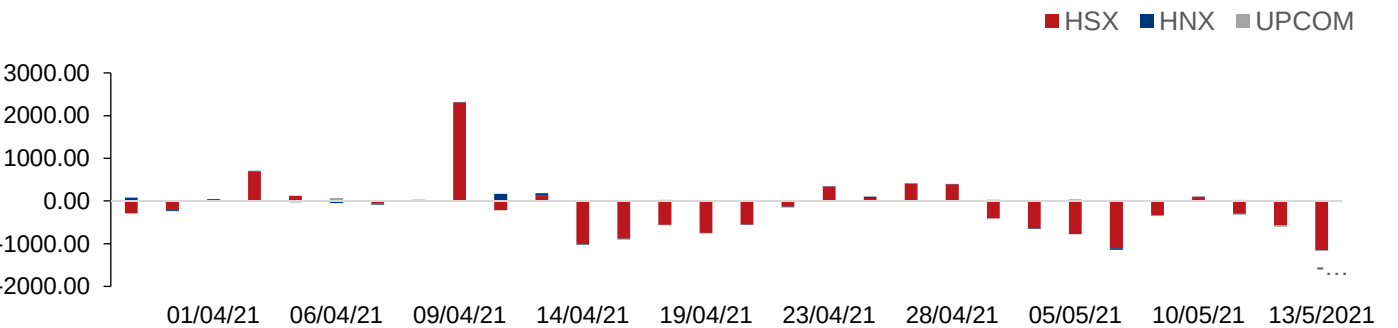
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXV	4.60	6.98	0.00	11600.00
NHA	31.45	6.97	0.01	113400
DTL	23.90	6.94	0.03	22900
SGR	29.30	6.93	0.03	45900
AAT	19.35	6.91	0.01	1.27MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PMG	25.40	-6.96	-0.02	7200
VID	11.10	-6.72	-0.01	38000
TMT	8.82	-6.67	-0.01	101400.00
VPS	15.50	-6.63	-0.01	107900
PSH	22.40	-5.88	-0.05	1.36MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	15.5	1,400	11.1	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	36.2	3,992	9.1	2.1	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	70.6	577	122.4	4.1	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.0	3,834	7.0	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	46.5	4,765	9.8	1.9	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	56.4	13,880	4.1	1.3	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	67.9	5,505	12.3	2.8	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	123.0	7,653	16.1	4.2	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.3	1,928	9.5	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	27.2	2,379	11.4	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	24.8	-61		1.9	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	84.0	4,718	17.8	4.0	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	36.4	1,246	29.2	1.8	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	42.5	7,082	6.0	2.0	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	61.5	5,476	11.2	3.1	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	37.4	5,262	7.1	2.1	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.2	1,566	10.3	1.1	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	35.9	1,639	21.9	1.6	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	36.7	2,140	17.1	2.5	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	22.9			1.6	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.1	3,258	10.8	1.3	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	103.0	1,281	80.4	7.5	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	140.0	9,051	15.5	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	38.5	4,008	9.6	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	54.0	7,080	7.6	2.3	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	25.4	2,120	12.0	1.6	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	94.3	4,974	19.0	3.7	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.2	1,037	11.8	1.0	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	20.7	0	134.7	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	21.7	1,375	15.8	0.8	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	154.2	7,561	20.4	5.0	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.8	1,131	18.4	1.6	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	48.0	4,074	11.8	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	96.8	5,709	17.0	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	41.5	4,166	10.0	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	15.3	570	26.8	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	37.8	3,837	9.9	1.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	90.5	4,682	19.3	6.0	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	97.0	7,874	12.3	3.5	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	26.5	1,091	24.3	2.2	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.2	600	17.0	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	126.9	9,476	13.4	6.0	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	65.1	4,626	14.1	2.9	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	30.9	1,175	26.3	2.3	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	84.0	4,060	20.7	5.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639